ẢNH HƯỞNG CỦA NĂNG LỰC TỰ HỌC ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ngô Văn Thảo Dung, Nguyễn Trần Yến Nhi, Phạm Thị Quế Trân, Lê Nguyễn Thanh Trúc, Lê Thị Thanh Thuỷ
Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt: *Trên cơ sở kết quả khảo sát 232 sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, nghiên cứu đã tập trung phân tích thực trạng năng lực tự học của sinh viên, mức độ ảnh hưởng của năng lực này đến kết quả học tập, đồng thời xác định những rào cản tiêu biểu cản trở quá trình tự học. Kết quả nghiên cứu cho thấy có mối liên hệ thuận chiều giữa năng lực tự học với kết quả học tập, và tuy hệ số ảnh hưởng ở mức thấp đến trung bình, nhưng có ý nghĩa thống kê. Điều này cho thấy, dù không phải là yếu tố duy nhất, năng lực tự học có vai trò quan trọng và có thể cải thiện được thông qua can thiệp giáo dục hợp lý nhằm nâng cao kết quả học tập của sinh viên.*

Từ khoá: *năng lực tự học, kết quả học tập, sinh viên năm thứ nhất.*

THE IMPACT OF SELF-LEARNING COMPETENCE ON ACADEMIC PERFORMANCE OF FIRST-YEAR STUDENTS AT HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION

Ngo Van Thao Dung, Nguyen Tran Yen Nhi, Pham Thi Que Tran, Le Nguyen Thanh Truc, Le Thi Thanh Thuy
Ho Chi Minh City University of Education

Abstract: *Based on a survey of 232 first-year students at Ho Chi Minh City University of Education, this study focuses on analyzing the current state of students' self-learning competence, its impact on academic performance, and identifying typical barriers that hinder the self-learning process. The results indicate a positive correlation between self-learning competence and academic performance. Although the impact level ranges from low to moderate, it is statistically significant. This suggests that while self-learning is not the only factor influencing academic outcomes, it plays an important role and can be enhanced through appropriate educational interventions to improve students' performance.*

Keywords*: self-learning competence, academic performance, first-year students.*

Nhận bài: 16/03/2025 *Phản biện: 14/04/2025* *Duyệt đăng: 19/04/2025*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Năng lực tự học (NLTH) đóng vai trò quan trọng đối với người học trong việc phát triển tri thức, kỹ năng và tư duy. Nó giúp họ chủ động trong quá trình tiếp thu tri thức thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào người dạy hay tài liệu có sẵn. Nhờ NLTH, người học có thể mở rộng hiểu biết, đào sâu kiến thức và phát triển tư duy phản biện. Bên cạnh đó, người học còn được rèn luyện kỹ năng quản lý thời gian, tính kỷ luật và tinh thần trách nhiệm trong học tập. Điều này giúp người học thích nghi tốt hơn với sự thay đổi của xã hội, nâng cao khả năng tự nghiên cứu và giải quyết vấn đề một cách linh hoạt. Trong bối cảnh tri thức không ngừng phát triển, NLTH trở thành năng lực thiết yếu để người học duy trì sự tiến bộ và đạt được thành công lâu dài.

Đối với sinh viên (SV) năm thứ nhất, việc chuyển đổi môi trường học tập từ cấp trung học phổ thông lên đại học (ĐH) là một sự chuyển biến lớn và mới mẻ. Theo Phạm Thị Kim Cúc và Đinh Thị Thúy Hiền (2022), Nguyễn Thị Thiên Kim (2007), khi chuyển đổi môi trường từ cấp trung học phổ thông lên ĐH, có sự thay đổi về khối lượng, nội dung tri thức, phương pháp giảng dạy, hình thức học tập… Nếu như ở cấp Trung học phổ thông, học sinh sẽ học các chủ đề theo từng giai đoạn từ thấp đến cao trong một khoảng thời gian nhất định; thì khi lên đại học, một chủ đề có thể được tiếp cận và tìm hiểu trong thời gian rất ngắn. Chính vì thế, NLTH đối với SV năm thứ nhất có vai trò rất quan trọng.

Dù nhận thức rõ NLTH đóng vai trò quan trọng trong kết quả học tập (KQHT), nhưng SV, đặc biệt là SV năm thứ nhất, vẫn còn nhiều hạn chế trong năng lực này. Đặc biệt, tại Trường Đại học Sư phạm (ĐHSP) Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM), vấn đề này chưa được nghiên cứu cụ thể.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi được sử dụng để thu thập dữ liệu nghiên cứu. Bảng hỏi được thiết kế nhằm khảo sát mức độ thể hiện các thành tố của NLTH ở 232 SV năm thứ nhất tại Trường ĐHSP TPHCM, cũng như thu thập thông tin về kết quả học tập và một số đặc điểm nhân

khẩu học liên quan. Dữ liệu thu được là cơ sở để phân tích mối quan hệ giữa NLTH và KQHT của SV bằng phần mềm SPPS với các phép phân tích tương quan Pearson và hồi quy tuyến tính.

2.1. Tương quan giữa năng lực tự học và kết quả học tập của của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 1 trình bày kết quả phân tích tương quan Pearson giữa NLTH và KQHT của SV năm thứ nhất. Hệ số tương quan Pearson đạt giá trị r = 0.270, với độ tự do (df) = 230 và mức ý nghĩa thống kê p < .001.

Bảng 1. Tương quan giữa năng lực tự học với kết quả học tập của của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

		NLTH	KQHT
NLTH	**Pearson's r**	—	0.270
	df	—	230
	p–value	—	<.001
KQHT	**Pearson's r**	0.270	—
	df	230	—
	p–value	<.001	—

Giá trị hệ số r cho thấy tồn tại mối tương quan thuận, có ý nghĩa thống kê, giữa NLTH và KQHT. Tuy hệ số này chỉ ở mức thấp đến trung bình, nhưng kết quả vẫn cho thấy rằng khi NLTH của SV tăng, KQHT của họ cũng có xu hướng cải thiện theo. Nói cách khác, NLTH – bao gồm các yếu tố như khả năng lập kế hoạch, đánh giá, tư duy phản biện và duy trì động lực – có vai trò nhất định trong việc nâng cao hiệu suất học tập. Mức ý nghĩa p < .001 khẳng định rằng mối tương quan quan sát được không phải là ngẫu nhiên, mà có ý nghĩa thống kê cao với độ tin cậy lớn hơn 99,9%. Đây là cơ sở vững chắc để khẳng định vai trò của NLTH như một yếu tố có ảnh hưởng tích cực đến KQHT của SV năm thứ nhất trong bối cảnh giáo dục ĐH hiện nay.

Tuy nhiên, hệ số r = 0.270 cũng hàm ý rằng NLTH chỉ giải thích một phần nhỏ sự biến thiên trong KQHT. Điều này cho thấy bên cạnh tự học, vẫn còn nhiều yếu tố khác ảnh hưởng đến KQHT của SV như: nền tảng kiến thức, điều kiện môi trường học, phương pháp giảng dạy, yếu tố cảm xúc, hoặc các chiến lược học cụ thể.

Như vậy, kết quả từ Bảng 3.7 cho thấy rằng việc nâng cao NLTH là cần thiết và có thể góp phần cải thiện thành tích học tập của SV. Từ đó, các chương trình đào tạo và hỗ trợ SV nên tích hợp các nội dung rèn luyện NLTH một cách hệ thống, đặc biệt trong giai đoạn đầu của quá trình đại học – khi SV đang làm quen với yêu cầu tự chủ trong học tập và quản lý thời gian cá nhân.

Biểu đồ 1 mô tả mối quan hệ giữa tổng điểm NLTH và KQHT trung bình của SV năm thứ nhất. Trục hoành thể hiện tổng điểm NLTH, trong khi trục tung thể hiện điểm trung bình KQHT. Đường hồi quy tuyến tính được vẽ kèm theo vùng tin cậy thể hiện bằng dải màu xám nhạt. Quan sát biểu đồ cho thấy xu hướng tăng tuyến tính giữa hai biến: khi tổng điểm NLTH tăng, KQHT cũng có xu hướng tăng theo. Đường hồi quy đi lên một cách ổn định, và vùng tin cậy khá hẹp, cho thấy mối tương quan giữa hai biến là dương, đồng thời có độ tin cậy cao. Mặc dù hệ số tương quan không được ghi rõ trên biểu đồ, song với đường xu hướng như vậy, có thể suy ra rằng mối quan hệ này có ý nghĩa thống kê và mức ảnh hưởng vừa phải.

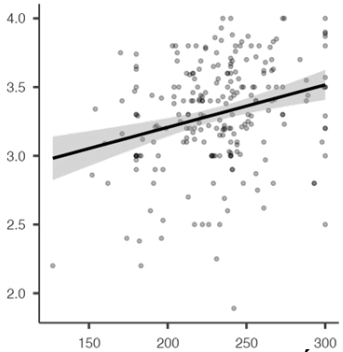

Biểu đồ 1. Tương quan giữa năng lực tự học với kết quả học tập của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Điều này củng cố cho kết quả từ Bảng 1 (trong đó hệ số tương quan Pearson giữa hai biến là r = 0.270, p < .001), cho thấy NLTH có tác động tích cực đến KQHT của SV năm nhất. Các SV có NLTH cao – tức là biết tự lên kế hoạch, đánh giá quá trình học, duy trì động lực và sử dụng hiệu quả các chiến lược học tập – thường có KQHT tốt hơn. Độ dốc của đường hồi quy không quá lớn, cho thấy NLTH chỉ giải thích một phần KQHT, còn lại có thể do các yếu tố khác như nền tảng kiến thức, kỹ năng môn học, điều kiện học tập, hoặc mức độ hỗ trợ từ giảng viên và môi trường học đường.

Biểu đồ này hỗ trợ lập luận rằng việc rèn luyện và nâng cao NLTH là một hướng đi thiết thực và cần thiết, giúp SV không chỉ thích ứng tốt với môi trường học tập đại học mà còn cải thiện thành tích học tập một cách bền vững.

2.2. Ảnh hưởng của các thành tố của năng lực tự học đến kết quả học tập của của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 2 cung cấp các chỉ số đánh giá mức độ phù hợp của mô hình hồi quy đơn biến, trong đó biến độc lập là NLTH và biến phụ thuộc là KQHT. Với cỡ mẫu N = 232, mô hình cho kết quả R = 0.282 và R^2 = 0.0798.

Bảng 3.8. Độ phù hợp của mô hình hồi quy giữa năng lực tự học và kết quả học tập của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Model	R	R^2
1	0.282	0.0798
Ghi chú: Các mô hình được ước lượng sử dụng cỡ mẫu N=232.		

Hệ số R = 0.282 là hệ số tương quan giữa biến NLTH và biến KQHT, phản ánh mức độ liên hệ tuyến tính dương, tức là khi NLTH tăng, KQHT cũng có xu hướng tăng theo. Tuy nhiên, mức độ liên hệ này chỉ ở mức yếu đến trung bình, chưa đủ mạnh để khẳng định ảnh hưởng toàn diện. Giá trị R^2 = 0.0798 (hay 7.98%) cho biết mô hình hồi quy giải thích được khoảng 8% phương sai trong KQHT. Điều này nghĩa là NLTH có ảnh hưởng đến KQHT, nhưng vẫn còn tới hơn 90% sự biến thiên trong KQHT chịu tác động từ các yếu tố khác, chẳng hạn như: phương pháp giảng dạy, nền tảng kiến thức đầu vào, môi trường học tập, kỹ năng học thuật cụ thể hoặc động lực học tập cá nhân.

Mặc dù giá trị R^2 thấp, điều này không làm mất đi ý nghĩa của mô hình, bởi trong nghiên cứu giáo dục – đặc biệt với các đặc điểm hành vi như tự học – thì các yếu tố xã hội, tâm lý, cá nhân thường có mối quan hệ phức tạp và đa chiều. Vì vậy, một R^2 khoảng 8% vẫn có giá trị tham khảo trong bối cảnh này.

Bảng 3 trình bày kết quả phân tích hồi quy nhằm đánh giá ảnh hưởng của các thành tố trong NLTH đến KQHT của SV năm thứ nhất Trường ĐHSP TPHCM. Mô hình được ước lượng với cỡ mẫu N = 232.

Bảng 3.9. Ảnh hưởng của năng lực tự học đến kết quả học tập của của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Biến dự báo (Predictor)	Hệ số ước lượng (Estimate)	Sai số chuẩn (SE)	Giá trị t	Mức ý nghĩa (p)	Diễn giải
Kỹ năng giao tiếp trong học tập	0.000383	0.00533	0.0718	0.943	Không có ý nghĩa thống kê. Không ảnh hưởng đáng kể.
Sự đánh giá trong học tập	0.00552	0.00638	0.8646	0.388	Không có ý nghĩa thống kê. Ảnh hưởng không đáng kể.
Hoạt động học tập	0.00890	0.00614	1.4496	0.149	Ảnh hưởng tích cực nhẹ nhưng chưa đạt mức ý nghĩa thống kê.
Chiến lược học tập	0.000777	0.00511	0.1521	0.879	Không có ý nghĩa thống kê.

Nhận thức về học tập	–0.000698	0.00544	–0.1283	0.898	Hệ số âm nhưng không có ý nghĩa thống kê.

Kết quả cho thấy hệ số chặn là 2.61982 và có ý nghĩa thống kê rất cao ($p < .001$), cho thấy giá trị trung bình dự đoán của KQHT trong trường hợp các biến độc lập bằng 0 là khoảng 2.62. Tuy nhiên, các biến độc lập đều không có ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê. Dù "Hoạt động học tập" có hệ số dương cao nhất trong số các biến, nhưng vẫn chưa đạt mức ý nghĩa thống kê ($p > 0.05$). Như vậy, trong mô hình này, không có thành phần nào trong nhóm các yếu tố thuộc NLTH thể hiện ảnh hưởng đáng kể đến KQHT của SV.

Kết quả từ bảng này khẳng định rằng NLTH có ảnh hưởng tích cực nhưng chưa mạnh đến KQHT và mô hình dự báo còn cần được mở rộng với các biến bổ sung để nâng cao sức giải thích. Dữ liệu này củng cố thêm bằng chứng cho thấy việc hỗ trợ phát triển NLTH vẫn là một trong những chiến lược quan trọng để cải thiện KQHT trong bối cảnh đại học.

2.3. Một số khuyến nghị

Từ những phát hiện nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số khuyến nghị thiết thực nhằm nâng cao NLTH và từ đó góp phần cải thiện KQHT của SV năm thứ nhất tại Trường ĐHSP TPHCM:

– Đối với nhà trường, cần thiết kế các học phần hoặc chuyên đề kỹ năng tự học tích hợp trong chương trình đào tạo đầu khóa, đồng thời cải thiện môi trường học tập (thư viện, học liệu số, không gian tự học) và phát triển hệ thống cố vấn học tập có chất lượng. Ngoài ra, việc tổ chức các hoạt động tọa đàm, chia sẻ kinh nghiệm học tập, học nhóm có định hướng cũng cần được khuyến khích thường xuyên.

– Đối với giảng viên, cần đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực người học, khuyến khích SV chủ động khám phá, phản tư và tự đánh giá quá trình học. Bên cạnh đó, việc đồng hành, tư vấn học tập, đưa ra phản hồi tích cực và xây dựng hệ thống học liệu hỗ trợ tự học cũng là nhiệm vụ trọng tâm để tạo động lực và hướng dẫn hiệu quả cho SV trong quá trình rèn luyện NLTH.

– Về phía SV, cần nâng cao ý thức trách nhiệm cá nhân trong học tập, từ việc xác định mục tiêu, lập kế hoạch, rèn luyện kỹ năng học tập, đến việc tự đánh giá tiến độ học. Đồng thời, SV cần chủ động tìm kiếm nguồn học liệu, mở rộng kết nối học thuật, và duy trì động lực nội tại thông qua thói quen học tập bền vững và có chiến lược.

Tóm lại, nâng cao NLTH không chỉ là yêu cầu tất yếu trong giáo dục ĐH hiện nay mà còn là nền tảng để hình thành người học suốt đời. Việc phát triển năng lực này đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường, giảng viên và SV, trong đó mỗi bên đều đóng vai trò chủ động và tích cực nhằm hướng đến một môi trường học tập hiệu quả, sáng tạo và tự chủ.

III. KẾT LUẬN

Trên cơ sở kết quả khảo sát 232 SV năm thứ nhất Trường ĐHSP TPHCM, nghiên cứu đã tập trung phân tích thực trạng NLTH của SV, mức độ ảnh hưởng của năng lực này đến KQHT, đồng thời xác định những rào cản tiêu biểu cản trở quá trình tự học.

Kết quả nghiên cứu cho thấy NLTH của SV năm thứ nhất nhìn chung đạt mức trung bình khá, với một số thành tố nổi bật như khả năng lập kế hoạch học tập, kỹ năng giao tiếp trong học tập, và năng lực tự đánh giá. Tuy nhiên, cũng có những biểu hiện cho thấy SV còn gặp khó khăn trong việc duy trì động lực học tập, quản lý thời gian và khai thác tài liệu học tập độc lập. Đặc biệt, sự phân hóa NLTH giữa các cá nhân là khá rõ rệt, phản ánh tính chất đa dạng trong cách tiếp cận học tập của SV ở giai đoạn chuyển tiếp từ phổ thông lên ĐH.

Phân tích tương quan và hồi quy cho thấy NLTH có mối liên hệ thuận chiều với kết quả học tập ($r = 0.270$, $p < .001$), và tuy hệ số ảnh hưởng ở mức thấp đến trung bình, nhưng có ý nghĩa thống kê. Mô hình hồi quy tuyến tính chỉ ra rằng NLTH giải thích khoảng 8% sự biến thiên trong KQHT – điều này cho thấy, dù không phải là yếu tố duy nhất, NLTH có vai trò quan trọng và có thể cải thiện được thông qua can thiệp giáo dục hợp lý.

Điều này phản ánh sự cần thiết trong việc xây dựng một hệ sinh thái học tập tích cực và có định hướng, đặc biệt dành cho SV năm thứ nhất – giai đoạn mang tính chất khởi đầu và định hình chiến lược học tập lâu dài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Candy, P. C. (1991). *Self-Direction for Lifelong Learning: A Comprehensive Guide to Theory and Practice.* San Francisco, CA: Jossey-Bass.

Đỗ Thị Mỹ Trang, Đỗ Mạnh Cường. (2016). *Mối tương quan giữa kỹ năng tự học và kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.* Tạp chí Khoa học Giáo dục(133), 56 - 64.

Lê Tố Anh. (2022). *Nâng cao năng lực tự học của sinh viên hiện nay.* Tạp chí Khoa học Trường Đại học Công đoàn(10), 45 - 53.

Nguyễn Thị Thiên Kim. (2007). *Khó khăn tâm lý trong hoạt động học tập của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Sư phạm TP. HCM*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.